

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2024/HNGĐ – ST**

Ngày 15/08/2024

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quang Hòa và ông Trần Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị H** – sinh năm 1985. (Có mặt tại phiên tòa).

Nơi ĐKNKTT: Làng D, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: làng Hợp Th, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An

2. *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn A** – sinh năm 1981. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: làng D, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị **Trương Thị H** trình bày: Chị và anh **Hoàng Văn A** có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 11 năm 2003 tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2022 thì mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không hợp với nhau về nhiều mặt. Do cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, mâu thuẫn không giải quyết được nên cuối năm 2022 chị về bên ngoại tại làng

H, xã N để sống và từ đó đến nay anh chị sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân cho đến nay không ai liên lạc, quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay xét thấy cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Hoàng Thị H1, sinh ngày 15/8/2004 và Hoàng Bảo N, sinh ngày 28/11/2008. Cháu H1 đã trưởng thành, muốn ở với ai là tùy cháu chị không có yêu cầu. Nguyên vọng của cháu N là được ở cùng với bố nên chị cũng thống nhất theo ý kiến của con vì từ khi ly thân đến nay cháu N ở cùng với bố . Chị sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Hoàng Văn A: Quá trình nộp hồ sơ tại Tòa án, chị H đã gửi cho anh A đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án cũng đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh A nhưng anh vẫn cố tình không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh vẫn không có mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vắng mặt anh Hoàng Văn A .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các giấy tờ hợp lệ nhưng vẫn cố tình không chấp hành.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị H là được ly hôn với anh Hoàng Văn A. Về con cái: Giao con chung Hoàng Bảo N, sinh ngày 28/11/2008 cho anh Hoàng Văn A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Chị H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của chị **Trương Thị H.**

2. Về thủ tục tố tụng: Anh **Hoàng Văn A** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trương Thị H** và anh **Hoàng Văn A** có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Đối với anh **Hoàng Văn A** nhiều lần Tòa án đã triệu tập anh lên Tòa án để hòa giải nhưng anh vẫn cố tình không lên, điều đó thể hiện anh không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về chung sống với nhau. Xét thấy tình cảm của cả hai bên đều không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trương Thị H** là được ly hôn với anh **Hoàng Văn A.**

4. Về quan hệ con chung: Chị **Trương Thị H** và anh **Hoàng Văn A** có hai con chung là **Hoàng Thị H1**, sinh ngày 15/8/2004 và **Hoàng Bảo N**, sinh ngày 28/11/2008. Đối với cháu **H1** đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu, cháu muốn ở với ai là tùy cháu. Đối với con chung **Hoàng Bảo N**, nguyện vọng của chị là giao cho anh **A** được trực tiếp nuôi dưỡng và chị sẽ có đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét nguyện vọng của chị là hoàn toàn phù hợp vì từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu **N** ở cùng với anh. Mặt khác nguyện vọng của cháu **N** là được ở với bố vì cháu đã quen với môi trường sống ở đây và cháu muốn được ở gần với ông bà nội. Vì vậy cần giao con chung **Hoàng Bảo N** cho anh **A** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị **H** cho anh **Hoàng Văn A** mỗi tháng 1.000.000 đồng.

5. Về quan hệ tài sản: Chị **H** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

6. Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, điều 147, Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Trương Thị H** là được ly hôn với anh **Hoàng Văn A.**

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh **Hoàng Văn A** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Hoàng Bảo N**, sinh ngày 28/11/2008. Chị **H** có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **A** mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), tính từ tháng 9 năm 2024 cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Chị **H** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc có lý do chính đáng, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Chị **H** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0012326 ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn nên tiếp tục phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Nghĩa Đàn;
- Chi cục THADS h. Nghĩa Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Lâm, h. Nghĩa Đàn (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Xuân

